

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2023
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức H

Bà Trần Thanh P

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Thanh D – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Y – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 508/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 34/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: 452 tổ 8, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị Bùi Thị Kim H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 452 tổ 8, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tại Tòa nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân anh T và chị Bùi Thị Kim H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 15/02/2005. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống tại số nhà 452 tổ 8, ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai. Khoảng năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm

sống, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau.

Do mâu thuẫn đã trầm trọng, chung sống với nhau không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Kim H.

Về con chung: Anh và chị H chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thành C, sinh ngày 11/02/2005 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 03/4/2006. Anh T yêu cầu được nuôi 02 con chung, tạm thời không yêu cầu chị Hạnh cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Bị đơn chị Bùi Thị Kim H đã được Tòa án niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến nộp cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Ngọc T; Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung Nguyễn Thành C, sinh ngày 11/02/2005 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 03/4/2006 cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh T không tranh chấp, nợ chung anh T khai không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí đề nghị buộc anh T phải chịu theo luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị Kim H và tranh chấp về nuôi con chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Bị đơn chị Bùi Thị Kim H có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn anh T đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị H đã được niêm yết hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Ngọc T và chị Bùi Thị Kim H chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết. Việc kết hôn anh T khai do cả hai tự nguyện nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Anh Nguyễn Ngọc T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Bùi Thị Kim H với lý do bất đồng quan điểm sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Xét thấy, theo lời khai của anh T thì cuộc sống hôn nhân của anh và chị H đã có mâu thuẫn trầm trọng không thể hòa giải được, vợ chồng không còn yêu thương lẫn nhau. Thời gian ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa hòa giải đoàn tụ nhưng chị không có mặt để hòa giải. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, xử cho anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Qua lời khai của anh T và qua xác minh địa phương xác định anh T và chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 11/02/2005 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 03/4/2006. Anh T yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, quyền được nuôi dưỡng, giáo dục con chung là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ. Theo lời khai của anh T, từ khi ly thân đến nay anh T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Ngoài ra, chị H cũng không thực hiện quyền lợi của mình là đến Tòa án trình bày ý kiến của bản thân về vấn đề nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, anh T khai có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, đủ khả năng kinh tế để nuôi 02 con. Cháu C, cháu L cũng có nguyện vọng được sống với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử giao 02 con chung cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 11/02/2005 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 03/4/2006 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn là đảm bảo sự phát triển cho trẻ, phù hợp với qui định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Anh T khai không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T đối với bị đơn chị Bùi Thị Kim H.

Xử cho anh Nguyễn Ngọc T được ly hôn chị Bùi Thị Kim H.

Về nuôi con chung: Giao 02 con chung cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 11/02/2005 và cháu Nguyễn Thành L, sinh ngày 03/4/2006 cho anh Nguyễn Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh T khai không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Anh T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008410 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai, anh T đã nộp đủ án phí.

3. Anh T được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS;
- Chi cục THADS;
- UBND xã
- Lưu AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy T